ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 575 /QĐ-UBND ngày 26 /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Trên cơ sở Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 29/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn, để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo các quy định của pháp luật, cần thiết phải xây dựng đề án vị trí việc làm để xác định lại vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức phù hợp với số lượng biên chế được giao gắn với từng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức tại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bổ sung biên chế cần thiết, phù hợp với tổ chức bộ máy của cơ quan, đáp ứng ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Là căn cứ để thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019;

2. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

4. Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch

và Đầu tư thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

5. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

6. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

7. Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

8. Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 29/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn;

9. Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

10. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Lạng Sơn năm 2024.

III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
1	Lãnh đạo, quản lý	1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực kế hoạch đầu tư và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên. b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực kế hoạch đầu tư đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên.

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
		2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở: a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực kế hoạch đầu tư đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư đối với tổ chức của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khác đặt trụ sở trên địa bàn. c) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực kế hoạch đầu tư theo quy định của pháp luật. d) Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.
2	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển, gồm: quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công; cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, thu hút nguồn lực đầu tư, cơ cấu lại kinh tế, triển khai mô hình kinh tế mới, phương thức kinh doanh mới, thực hiện điều phối phát triển vùng, liên vùng; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, hộ gia đình và tổ chức kinh tế khác; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
		luật.
3	Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	- Thanh tra sở: Giúp Giám đốc thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra thực hiện pháp luật về bồi thường của Nhà nước; thực hiện các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng. - Văn phòng Sở: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở tổ chức sắp xếp và điều hành hoạt động của cơ quan bao gồm: Quản lý tổ chức bộ máy, công tác tổ chức cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật; quản lý tài chính, tài sản; công tác pháp chế; ứng dụng công nghệ thông tin; trang thông tin điện tử cơ quan; cải cách hành chính; thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001; Dự thảo báo cáo, chương trình, kế hoạch công tác của Sở; công tác quân sự, tự vệ cơ quan, phòng cháy chữa cháy; an ninh, trật tự; hành chính quản trị và hậu cần cơ quan.

IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí

1.1. Vị trí Giám đốc Sở;

1.2. Vị trí Phó Giám đốc Sở;

1.3. Vị trí Trưởng phòng thuộc Sở;

1.4. Vị trí Chánh Văn phòng Sở;

1.5. Vị trí Chánh Thanh tra Sở;

1.6. Vị trí Phó Trưởng phòng thuộc Sở;

1.7. Vị trí Phó Chánh Thanh tra;

1.8. Vị trí Phó Chánh Văn phòng Sở.

2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 14 vị trí

2.1. Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp;

2.2. Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch;

2.3. Chuyên viên chính về quản lý đầu tư ;

2.4. Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp;

2.5. Chuyên viên chính về quản lý kinh tế đối ngoại;

2.6. Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu;

2.7. Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác;

2.8. Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp;

2.9. Chuyên viên về quản lý đầu tư;

2.10. Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại;

2.11. Chuyên viên về quản lý quy hoạch;

2.12. Chuyên viên về quản lý đấu thầu;

2.13. Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp;

2.14. Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác.

3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 08 vị trí

3.1. Chuyên viên chính tổng hợp;

3.2. Thanh tra viên chính về công tác thanh tra;

3.3. Chuyên viên tổng hợp;

3.4. Chuyên viên về công tác thanh tra;

3.5. Thanh tra viên về công tác thanh tra;

3.6. Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin;

3.7. Kế toán viên;

3.8. Văn thư viên.

4. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí

4.1. Nhân viên Lái xe;

4.2. Nhân viên Phục vụ;

4.3. Nhân viên bảo vệ;

4.4. Nhân viên kỹ thuật.

(Có Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm đính kèm).

IV. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức

1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý:

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Giám đốc Sở	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở	
5	Trưởng phòng thuộc Sở	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	
7	Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	

1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành:

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
9	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên
11	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên
12	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
13	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên

1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
2	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
3	Chuyên viên tổng hợp	Chuyên viên
4	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
5	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
6	Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
7	Kế toán viên	Kế toán viên
8	Văn thư viên	Văn thư viên

2. Cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức[1]; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; trên cơ sở số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, xác định cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn, như sau:

2.1. Tỷ lệ ngạch chuyên viên chính và tương đương không quá: 36,36%.

2.2. Tỷ lệ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 63,64%.

[1] Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.